

2 - THỊ TRẤN ĐÔNG TRIỀU

STT	Tên đoạn đường phố, khu dân cư	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất (đ/m2) Mức giá 2010	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất (đ/m2) Mức giá 2012	Đất giáp trục đường giao thông chính nằm tại Trung tâm khu phố hoặc khu, gần khu thương mại, dịch vụ, du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất (đ/m2) Mức giá 2013	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ (đ/m2) Mức giá 2010	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ (đ/m2) Mức giá 2012	Đất giáp trục đường giao thông liên khu, trung tâm khu phố gần khu thương mại, dịch vụ (đ/m2) Mức giá 2013	Đất ở của hộ còn lại (đ/m2) Mức giá 2010	Đất ở của hộ còn lại (đ/m2) Mức giá 2012	Đất ở của hộ còn lại (đ/m2) Mức giá 2013	Lý do điều chỉnh, bổ sung
1	Các hộ bám trục đường quốc lộ 18A từ nhà bà Mơ đến hết nhà Ông Trịnh Lợi - khu 3										
1.1	Thị trấn Đông Triều	4500000	5000000	5000000							
1.2	Từ nhà ông Nguyễn Huy đến văn phòng khu phố 4 (phía bắc đường) và từ Thư Viện huyện đến hết Trung Tâm Chính trị huyện (phía Nam đường).	6000000	7200000	7200000							
1.3	Từ nhà ông Trần Oanh đến nhà ông Nguyễn An Biên (phía Bắc đường) và từ nhà ông Nguyễn Hữu Thủy đến nhà ông Nguyễn Đình Hà.	4500000	5000000	5000000							
2	Các hộ bám trục đường phố Trần Nhân Tông										
2.1	Đường bê tông từ ngã tư Đông Triều đến hết cổng trường phổ thông cơ sở thị trấn Đông Triều	3500000	4200000	4200000							
2.2	Đường bê tông từ ngã tư Yên Lâm xã Đức Chính.	3500000	4200000	4200000							
2.3	Từ ngã tư Đông Triều đi Bến Triều đến hết địa phận thị trấn Đông Triều (giáp xã Hồng Phong)	3000000	3300000	3300000							
2.4	Đường bê tông từ ngã tư Đông Triều đến hết cổng trường phổ thông cơ sở thị trấn Đông Triều	3500000	4200000	4200000							
3	Các hộ bám trục đường bê tông - Phố Chợ Cột:										
3.1	Từ nhà bà Vũ Thị Hoà khu 2, nhà ông Nguyễn Văn Thành khu 4 đến hết nhà ông Bùi Đức Dân khu 2	4500000	5000000	5000000							
3.2	Từ nhà bà Vũ Thị Hoà khu 2, nhà ông Nguyễn Văn Thành khu 4 đến hết nhà ông Bùi Đức Dân khu 2	4500000	5000000	5000000							
3.3	Từ nhà chị Nguyễn Thị Quế khu 2, anh Đặng Văn Cường khu 1 đến hết nhà ông Trần Minh Tường	3500000	4000000	4000000							
3.4	Từ nhà chị Nguyễn Thị Quế khu 2, anh Đặng Văn Cường khu 1 đến hết nhà ông Trần Minh Tường	3500000	4000000	4000000							
4	Các hộ bám theo trục đường liên khu phố 1 và 2 (đường mới) và khu dân cư mới khu phố 1 và 2										
4.1	Đường bê tông mới từ phía sau UBND Thị trấn Đông Triều và nhà bà anh đến phía sau nhà chị Khánh Ly khu 2 và nhà anh Hưng khu 1.				3000000	3500000	4000000				Nhiều nhà dân cũ mới hình thành, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.
4.2	Đường bê tông mới từ phía sau nhà anh Nguyễn Văn Tùng khu 1 đến hết đất quy hoạch khu phố 1				3000000	3500000	4000000				
4.3	Đường bê tông mới từ nhà ông Đoàn Đức Tấn khu phố 1 đến nhà ông Đoàn Viết Cường ra đường 186				1500000	1800000	2000000				
4.4	Đường chính khu dân cư mới khu 2 từ nhà ông Lại Văn Toạ đến phía sau Trạm xã thị trấn Đông Triều							2000000	2400000	2400000	
4.5	Đường chính khu dân cư mới khu 2 từ đường ngõ vào cổng Công ty Tuấn Phát và từ phía Đông sân chơi mi ni đến ngõ nhà bà Văn							1500000	1800000	2000000	Nhiều nhà dân cũ và một số công ty mới hình thành, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.
4.6	Các hộ bám trục đường quy hoạch phía Tây khu dân cư Con Quạ khu 1 từ sau nhà anh Trung đến Ao cá							2500000	3000000	3000000	

<p>Các hộ phía trong khu dân cư Con Quạ khu 1</p> <p>4.7 bám theo trục đường quy hoạch</p> <p>Khu dân cư nằm phía sáu các hộ bám đường 5 18A</p>	2000000	2000000	2000000
<p>5.1 Từ đường quốc lộ 18A đến cổng Phòng giáo dục</p> <p>Từ đường 18A phía sau nhà ông Đặng Hùng và</p> <p>5.2 ông Bùi Dũng khu 4 đến nhà bà Dư, ông Chi</p> <p>Các hộ bám trục đường từ bến xe Ô tô và nhà bà</p> <p>5.3 Nhà đến nhà bà Liễu và bà Năm</p>	1200000	1200000	1200000
<p>Các hộ bám trục đường nối tiếp từ nhà bà Liễu,</p> <p>5.4 bà Năm đến nhà ông Toàn và ông Thiêm</p> <p>Các hộ bám trục đường từ sau Phòng Công</p> <p>thường và trường Mần non Hoa Mai đến nhà bà</p> <p>5.5 Nhâm</p> <p>Khu dân cư bám đường từ nhà bà Nhâm đến</p> <p>5.6 giáp nhà trẻ khu Liên cơ cũ</p> <p>Khu dân cư nằm phía sau các hộ bám trục</p> <p>đường 18A từ nhà bà Đặng Thị Mơ đến ngã tư</p> <p>5.7 Đông Triều</p>	800000	800000	800000
<p>Khu dân cư nằm phía sau các hộ bám trục đường</p> <p>18A nằm dưới chân đồi cao đối với các khu vực</p> <p>5.8 còn lại từ ngã Tư Đông Triều đến hết Cỏ eo khu 4</p>	500000	500000	500000
<p>Khu dân cư nằm phía sau các hộ bám trục đường</p> <p>phố Trần Nhân Tông từ ngã tư Đông Triều hết</p> <p>6 cổng trường Trung học cơ sở thị trấn Đông Triều</p> <p>6.1 Bám đường ngõ xóm đường chính</p> <p>Các hộ không bám đường ngõ xóm chính (đường</p> <p>6.2 ngách, hẻm)</p> <p>7 Khu dân cư từ chân đồi cao trở lên</p> <p>Khu dân cư nằm trong nhà trẻ Liên cơ cũ khu 2</p> <p>7.1 và khu chợ cũ khu 4</p> <p>Khu dân cư bám các đường ngõ xóm đối với</p> <p>phần đất từ chân đồi cao trở lên (đối với các khu</p> <p>7.2 vực còn lại thuộc khu 2 và khu 4)</p>	800000	800000	800000
<p>Khu dân cư nằm phía sau các hộ bám trục đường</p> <p>18A nằm dưới chân đồi cao đối với các khu vực</p> <p>5.8 còn lại từ ngã Tư Đông Triều đến hết Cỏ eo khu 4</p>	400000	400000	400000
<p>Khu dân cư nằm phía sau các hộ bám trục đường</p> <p>phố Trần Nhân Tông từ ngã tư Đông Triều hết</p> <p>6 cổng trường Trung học cơ sở thị trấn Đông Triều</p> <p>6.1 Bám đường ngõ xóm đường chính</p> <p>Các hộ không bám đường ngõ xóm chính (đường</p> <p>6.2 ngách, hẻm)</p> <p>7 Khu dân cư từ chân đồi cao trở lên</p> <p>Khu dân cư nằm trong nhà trẻ Liên cơ cũ khu 2</p> <p>7.1 và khu chợ cũ khu 4</p> <p>Khu dân cư bám các đường ngõ xóm đối với</p> <p>phần đất từ chân đồi cao trở lên (đối với các khu</p> <p>7.2 vực còn lại thuộc khu 2 và khu 4)</p>	500000	500000	500000
<p>Khu dân cư từ chân đồi cao trở lên</p> <p>Khu dân cư nằm trong nhà trẻ Liên cơ cũ khu 2</p> <p>7.1 và khu chợ cũ khu 4</p> <p>Khu dân cư bám các đường ngõ xóm đối với</p> <p>phần đất từ chân đồi cao trở lên (đối với các khu</p> <p>7.2 vực còn lại thuộc khu 2 và khu 4)</p>	300000	300000	300000
<p>Khu dân cư từ chân đồi cao trở lên</p> <p>Khu dân cư nằm trong nhà trẻ Liên cơ cũ khu 2</p> <p>7.1 và khu chợ cũ khu 4</p> <p>Khu dân cư bám các đường ngõ xóm đối với</p> <p>phần đất từ chân đồi cao trở lên (đối với các khu</p> <p>7.2 vực còn lại thuộc khu 2 và khu 4)</p>	200000	200000	200000
<p>Khu dân cư từ chân đồi cao trở lên</p> <p>Khu dân cư nằm trong nhà trẻ Liên cơ cũ khu 2</p> <p>7.1 và khu chợ cũ khu 4</p> <p>Khu dân cư bám các đường ngõ xóm đối với</p> <p>phần đất từ chân đồi cao trở lên (đối với các khu</p> <p>7.2 vực còn lại thuộc khu 2 và khu 4)</p>	200000	200000	200000

Ghi chú: Việc xác định giá đất đối với thửa đất ở tại đô thị có vị trí góc, thửa đất chênh cốt:

1. Các thửa đất có vị trí góc bám từ 2 mặt đường trở lên trong đó có ít nhất 2 mặt đường rộng từ 3 m trở lên thì giá tính bằng 1,2 lần giá đất (mức giá cao nhất của mặt đường tiếp giáp với thửa đất) theo vị trí quy định tại bảng giá này. Trường hợp cao hơn mức giá tối đa của khung Chính phủ cho phép cộng thêm 20% thì tính bằng mức giá tối đa khung Chính phủ cho phép cộng thêm 20%.

2. Các thửa đất có vị trí góc bám từ 2 mặt đường trở lên trong đó chỉ có 01 mặt đường rộng từ 3 m trở lên thì giá tính bằng 1,1 lần giá đất (mức giá cao nhất của mặt đường tiếp giáp với thửa đất) theo vị trí quy định tại bảng giá này. Trường hợp cao hơn mức giá tối đa của khung Chính phủ cho phép cộng thêm 20% thì tính bằng mức giá tối đa khung Chính phủ cho phép cộng thêm 20%.

3. Đối với thửa đất bám đường có độ chênh cao (hoặc thấp hơn) so với mặt đường (tính từ chỉ giới XD trở vào):

a) Từ 2m đến dưới 3m giá đất bằng 80% giá đất quy định cùng vị trí, cùng khu vực tại bảng giá này.

b) Từ 3m trở lên giá đất bằng 70% giá đất quy định cùng vị trí, cùng khu vực tại bảng giá này. Trường hợp giá đất xác định tại điểm a, b nêu ở trên thấp hơn 20% so với mức giá tối thiểu của khung giá đất Chính phủ quy định thì tính bằng mức giá tối thiểu của khung giá đất Chính phủ quy định giảm trừ 20%.